

TỔNG CỤC HẢI QUAN  
Số: 111/GSQL-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 1997

## THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thi hành Nghị định 12/CP ngày 18-2-1997 qui định chi tiết thi hành  
Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam***

*Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20/02/1990.*

*Thực hiện Điều 104 Nghị định 12/CP, ngày 18/02/1997 của Chính qui định chi tiết thi hành  
Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

*Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thi hành các điều 40, 47, 48, 63, 76, 98 và 103 của  
Nghị định 12/CP nói trên như sau:*

### I. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

- Tất cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài và của các hợp đồng hợp tác kinh doanh (dưới đây gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát của Hải quan theo đúng các qui định của pháp luật Việt Nam.
- Theo qui định tại khoản 4, Điều 2, Nghị định 89/CP ngày 15-12-1995 và Điều 47, Điều 76 Nghị định 12/CP: Tất cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm thiết bị, máy móc, vật tư phương tiện vận tải nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất và tất cả hàng xuất khẩu) đều phải được Bộ Thương mại phê duyệt bằng văn bản. Hải quan căn cứ vào văn bản phê duyệt của Bộ Thương mại để làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng số lượng và trị giá của lô hàng ghi trong giấy phép.
- Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như qui định về thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu nói

chung, trừ các trường hợp sau đây:

3.1) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung được làm thủ tục hải quan tại Khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung (có qui định cụ thể riêng).

3.2) Hàng hoá thuộc diện được miễn thuế nhập khẩu theo qui định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định 12/CP không phải tính thuế khi làm thủ tục nhập khẩu (theo hướng dẫn tại Văn bản số 663/TCHQ-KTTT ngày 28 tháng 02 năm 1997 của Tổng cục Hải quan).

4. Khi hàng về tới cửa khẩu, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài yêu cầu làm thủ tục, thì Hải quan phải ưu tiên làm thủ tục thông quan nhanh theo đúng quy định của pháp luật Hải quan để kịp thời phục vụ cho sản xuất, xây dựng theo đúng kế hoạch. Nếu có vướng mắc phát sinh vượt quá thẩm quyền về thủ tục thì các Cục Hải quan địa phương có trách nhiệm báo cáo nhanh về lãnh đạo Tổng cục Hải quan để xin ý kiến chỉ đạo, không được giữ vật tư hàng hoá lâu tại cảng.

5. Tất cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều phải chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu và các loại thuế liên quan khác theo qui định của pháp luật, trừ hàng hoá được miễn thuế, hoàn thuế nhập khẩu theo qui định tại Điều 63 Nghị định 12/CP.

## **II. MỘT SỐ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**

1. Điều 40 Nghị định 12/CP qui định về chất lượng và việc giám định chất lượng, giá cả thiết bị, máy móc, vật tư phương tiện vận tải nhập khẩu. Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện điều này như sau:

1.1) Thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu nêu ở điều này là thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu (dưới đây gọi chung là hàng hoá) để tạo tài sản cố định (bao gồm cả trường hợp thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ mở rộng qui mô dự án, thay thế, đổi mới công nghệ). Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất ra sản phẩm không thuộc diện điều chỉnh của Điều 40 này.

1.2) Hải quan căn cứ vào các qui định về tiêu chuẩn chất lượng thiết bị, máy móc, vật tư có hiệu lực thi hành tại thời điểm đăng ký tờ khai nhập khẩu, qui định tại khoản 4 Thông tư số 01/LB ngày 31-10-1995 của Liên Bộ Thương mại - Tài chính - UBNNHTĐT-TCHQ, và các

qui định tại giấy phép đầu tư (nếu có) để làm thủ tục nhập khẩu. Nếu có sự khác nhau giữa hai loại văn bản trên thì căn cứ vào qui định tại giấy phép đầu tư để làm thủ tục nhập khẩu.

1.3) Tất cả thiết bị, máy móc, vật tư để thực hiện dự án đầu tư hình thành tài sản cố định đều phải có giấy chứng nhận giám định chất lượng. Cụ thể như sau:

(i) Nếu giấy phép đầu tư/văn bản duyệt kế hoạch nhập khẩu của Bộ Thương mại qui định phải giám định trước khi nhập khẩu (Pre-Shipment Inspection) thì yêu cầu phải nộp chứng nhận giám định cùng với bộ hồ sơ đăng ký làm thủ tục nhập khẩu.

(ii) Nếu giấy phép đầu tư/văn bản duyệt kế hoạch nhập khẩu của Bộ Thương mại không qui định phải giám định trước khi nhập khẩu thì Hải quan làm thủ tục cho giải phóng hàng ngay, còn riêng giấy chứng nhận giám định được nộp sau khi có kết quả giám định, nhưng chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày Hải quan giải phóng hàng. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm về giá trị và chất lượng hàng hoá nhập khẩu, Hải quan không chờ có kết quả giám định mới giải phóng hàng.

1.4) Giấy chứng nhận giám định được chấp nhận là giấy chứng nhận giám định hợp lệ do các tổ chức giám định được qui định tại khoản 4, Điều 40 Nghị định 12/CP cấp. Trường hợp giám định theo hướng dẫn tại tiêu mục 1.3 (ii) trên đây thì chứng nhận giám định phải thể hiện rõ là giám định trước khi lắp đặt.

1.5) Cơ quan giám định chịu trách nhiệm pháp lý về kết quả giám định. Trong trường hợp Hải quan có căn cứ chắc chắn để kết luận rằng chứng nhận giám định không chính xác về giá trị và chất lượng hàng hoá thì Hải quan tỉnh, thành phố nơi làm thủ tục làm văn bản kiến nghị cơ quan cấp giấy phép đầu tư để yêu cầu tái giám định. Nếu kết quả tái giám định đúng như kết luận của Hải quan thì ngoài việc thực hiện như quyết định của cơ quan cấp giấy phép đầu tư, lô hàng và tổ chức giám định lần đầu còn phải chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Điều 48 Nghị định 12/CP qui định về gia công và kho bảo thuế, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau:

2.1) Thủ tục hải quan cho lô hàng gia công và gia công lại của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 48 này; tại Thông tư số 14/KHĐT-TM ngày 25/9/1996 (Thông tư liên bộ Kế hoạch đầu tư - Thương mại hướng dẫn thực hiện gia

công hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam); tại Quyết định 126/TCHQ-GSQL ngày 08 tháng 4 năm 1995 và các văn bản hướng dẫn thi hành khác của Tổng cục Hải quan.

2.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có đủ điều kiện được cấp giấy phép thành lập kho bảo thuế tại xí nghiệp theo hướng dẫn tại phần III dưới đây.

3. Điều 63 Nghị định 12/CP qui định việc miễn thuế, hoàn thuế nhập khẩu và việc chuyển nhượng hàng hoá nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

3.1)- Theo qui định tại Điều 63 này và tại Thông tư số 01/LB ngày 31-10-1995 của Liên Bộ Thương mại - Tài chính UBNNHTĐT và Tổng cục Hải quan, khi cấp văn bản cho phép nhập khẩu Bộ Thương mại đã qui định rõ danh mục và trị giá hàng được nhập khẩu miễn thuế, danh mục và trị giá hàng được nhập khẩu nhưng phải nộp thuế nhập khẩu và các thuế liên quan khác. Hải quan căn cứ vào văn bản cho phép của Bộ Thương mại để làm thủ tục nhập khẩu.

Đối với những danh mục hàng được Bộ Thương mại phê duyệt miễn thuế nhập khẩu nhưng thuộc diện phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại thuế khác (nếu có) thì Hải quan sẽ căn cứ vào các qui định hiện hành để làm thủ tục.

3.2) Đối với hàng hoá thuộc diện được miễn thuế nhập khẩu qui định tại khoản 1, Điều 63 nói trên: Nếu lượng hàng phù hợp với văn bản cho phép của Bộ Thương mại nhưng trị giá khai báo vượt trị giá cho phép thì hải quan căn cứ vào giá được xác nhận trong giấy chứng nhận giám định hợp lệ như hướng dẫn tại điểm 1.3 trên đây để giải quyết:

(i). Nếu kết quả giám định xác nhận giá khai báo là phù hợp thì Hải quan cho làm thủ tục nhập khẩu, không yêu cầu phải điều chỉnh văn bản cho phép.

(ii). Nếu kết quả giám định cho thấy giá khai báo là không chính xác thì phải xử lý vi phạm, yêu cầu điều chỉnh bổ sung văn bản cho phép của Bộ Thương mại phần hàng vượt trị giá được miễn thuế nhập khẩu.

(iii) Trường hợp không qui định phải giám định trước khi nhập khẩu, nếu tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu chưa có chứng nhận giám định mà giá khai báo lại vượt trị giá cho phép tại văn bản của Bộ Thương mại thì hàng hoá chỉ được giải phóng sau khi có kết luận và quyết

định xử lý về giá như hướng dẫn tại các tiểu mục (i) và (ii) trên. Trường hợp cần giải phóng hàng để phục vụ xây dựng, sản xuất, thì doanh nghiệp phải làm cam kết chấp hành quyết định về xử lý giá của hải quan.

3.3) Đối với hàng hoá nhập khẩu thuộc diện chịu thuế nhập khẩu và các thuế liên quan khác, nếu lượng hàng phù hợp văn bản cho phép nhưng trị giá vượt quá trị giá cho phép thì xử lý vi phạm hành chính, cho làm thủ tục nhập khẩu, nộp đủ thuế theo hàng thực nhập, không yêu cầu phải điều chỉnh văn bản cho phép.

3.4) Thủ tục miễn thuế, hoàn thuế như quy định hiện hành.

### **III. KHO BẢO THUẾ TẠI XÍ NGHIỆP**

1. Khái niệm: Kho bảo thuế tại xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (dưới đây gọi là kho bảo thuế) là kho của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu, được áp dụng một chế độ quản lý hải quan đặc biệt, theo đó nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất của xí nghiệp được đưa vào lưu giữ tại kho bảo thuế chưa phải tính và nộp thuế nhập khẩu và các thuế liên quan khác.

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu và sản phẩm lưu giữ tại kho bảo thuế chỉ bao gồm nguyên liệu, vật tư dùng để cung ứng cho sản xuất và sản phẩm sản xuất ra của chính xí nghiệp đó.

2. Điều kiện để được thành lập kho bảo thuế:

a) Xí nghiệp được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chủ yếu để sản xuất hàng xuất khẩu (xuất khẩu ít nhất 50% sản phẩm).

b) Không vi phạm luật pháp; quan hệ về kinh doanh, tài chính, tín dụng rõ ràng.

c) Có sử dụng hệ thống sổ sách, chứng từ theo dõi việc xuất khẩu, nhập khẩu, xuất kho, nhập kho đầy đủ, chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

d) Xí nghiệp phải đặt ở Khu vực thuận lợi cho việc quản lý, giám sát của Hải quan.

3) Thủ tục xin thành lập kho bảo thuế:

3.1) Xí nghiệp muốn thành lập kho bảo thuế phải nộp cho Hải quan tỉnh, thành phố sở tại hai bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

(i) Đơn xin thành lập kho (theo mẫu do Tổng cục Hải quan qui định)

(ii) Giấy phép đầu tư (bản sao công chứng)